BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2691 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN Số: 33328
Ngày: 01-07-2019
Chuyển: .....
Lưu hồ sơ số: .....

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng, địa chỉ: số 315 Phan Châu Trinh, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thực hiện kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 2. Phạm vi sản phẩm, hàng hóa được chỉ định kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu; các chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận/chỉ định theo Phụ lục ban hành kèm Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Bộ Tài chính (Tổng Cục Hải quan) (để biết);
- Các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT (để biết);
- SYT các tỉnh/ thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Lưu: VT, ATTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Quốc Cường

Chứng thư: Bộ Y tế
Ngày ký: 27/06/2019 15:54:27

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 2691.../QĐ-BYT ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Bộ Y tế)

I. Danh mục sản phẩm, hàng hóa được giao kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1.	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2.	Thực phẩm chức năng	
3.	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
4.	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
5.	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
6.	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục III, Phụ lục IV Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2018 của Chính phủ)	

II. Chỉ tiêu kiểm nghiệm được công nhận/chỉ định

TT	Tên chỉ tiêu	Loại sản phẩm	Giới hạn phát hiện (nếu có)/Phạm vi đo	Phương pháp
1.	Xác định pH	Nước uống đóng chai	2 ~ 12	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)
2.	Xác định hàm lượng clorua Chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Phương pháp Mo)		(5 ~ 400) mg/l	TCVN 6194:1996 (ISO 9297 : 1989)
3.	Xác định hàm lượng nitrate Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic		0,19 mg/l	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988)
4.	Xác định hàm lượng sulfate		3,91 mg/l	SMEWW 4500- SO42- E:2017
5.	Xác định hàm lượng sắt tổng số		0,054 mg/l	SMEWW 3500-Fe B:2017
6.	Xác định tổng canxi và magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA		5 mg/l	TCVN 6224:1996

7.	Xác định độ đục	Nước uống đóng chai	(0,1~850) NTU	SMEWW 2130B:2017
8.	Xác định hàm lượng flouride		0,33 mg F^-/l	SMEWW 4500-F D: 2017
9.	Xác định hàm lượng chlorite		7 µg/l	HD.01*HLN/27.IC Modified EPA 300.1 A & B
10.	Xác định hàm lượng chlorate		18 µg/l	HD.01*HLN/28.IC Modified EPA 300.1 A & B
11.	Xác định hàm lượng bromate		7 µg/l	HD.01*HLN/29.IC Modified EPA 300.1 A & B
12.	Xác định hàm lượng thuỷ ngân		0,4 µg/l	HD.01*HLN/17.2 Modified TCVN 7877: 2008 (ISO 5666:1999)
13.	Xác định hàm lượng nitơ tổng và protein thô	Thực phẩm (thuộc mục I Phụ lục này)	/	HD.01*HLTP/6.1 (Ref: FAO 14/7 p.224-1986)
14.	Định lượng vi khuẩn *Coliforms* Phương pháp lọc màng.	Nước uống đóng chai	1CFU/100 ml 1 CFU/250 ml	TCVN 6187-1:2009
15.	Định lượng *Escherichia coli* Phương pháp lọc màng.		1 CFU/100 ml 1 CFU/250 ml	TCVN 6187-1:2009
16.	Định lượng *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp lọc qua màng.		1 CFU/100 ml 1 CFU/250 ml	TCVN 8881:2011
17.	Phát hiện và đếm số bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sunphit (*Clostridia*) Phương pháp lọc qua màng.		CFU/100 ml CFU/250 ml	TCVN 6191-2:1996
18.	Định lượng vi khuẩn đường ruột Phương pháp lọc qua màng.		1 CFU/100 ml 1 CFU/250 ml	TCVN 6189-2:2009
19.	Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30o-C bằng kỹ thuật đổ đĩa	Thực phẩm (thuộc mục I Phụ lục này)	1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 4884-1:2015
20.	Định lượng *Coliform* Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		1CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 6848:2007

21.	Định lượng *Escherichia coli* giả định Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN)	Thực phẩm (thuộc mục I Phụ lục này)	0 MPN/ g(ml)	TCVN 6846:2007
22.	Định lượng E. *coli* dương tính với beta - glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 440C sử dụng 5- bromo -4-chloro-3-indolyl beta – D-glucuronide.		1CFU/ml 10CFU/g	TCVN 7924-2:2008
23.	Định lượng *Enterobacteriaceae* Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		1CFU/ml 10CFU/g	TCVN 5518-2:2007
24.	Định lượng *Staphylococci* có phản ứng dương tính với coagulase (*Staphylococcus aureus*) trên đĩa thạch Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird Parker		1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 4830 -1:2005
25.	Định lượng *Bacillus cereus* giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30oC		1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 4992:2005
26.	Định lượng nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95		1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 8275-1:2010
27.	Định lượng nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95		1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 8275-2:2010
28.	Định lượng *Clostridium perfringens* Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		1 CFU/ml 10 CFU/g	TCVN 4991:2005
29.	Phát hiện *Salmonella spp.*		1 CFU/25 g (ml)	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: Trong trường hợp kiểm nghiệm các chỉ tiêu không thuộc danh mục này, Trung tâm phải ký hợp đồng phụ với đơn vị có các chỉ tiêu được công nhận hoặc chỉ định.